

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 185/2023/HC-PT

Ngày 15/6/2023

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý  
đất đai*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Tấn Long, ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 354/2022/TLPT-HC ngày 14/12/2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2289/2023/QĐ-PT ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. **Người khởi kiện:** ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1938; địa chỉ: A L, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Mai Thị T; địa chỉ: G T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M là Luật sư Nguyễn Thành L, thuộc Công ty L3, Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.*

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh L1 (Phó Chủ tịch UBND thành phố H) có mặt.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Ông Nguyễn Văn Thành N (Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H) có mặt.

+ Bà Trần Thị H (cán bộ địa chính, xây dựng phường T), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1949. Người đại diện theo uỷ quyền của bà N1 là bà Mai Thị T; địa chỉ: G T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1973, có mặt;

3. Anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1975, có mặt;

Anh D và anh P cùng địa chỉ: A L, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Quang M trình bày:*

Năm 1995, vợ chồng ông M nhận chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> đất ở và 460m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của vợ chồng ông Cao H1, bà Lê Thị H2 tại tờ bản đồ số 5/11 xã C, thị xã H, việc chuyển nhượng có lập giấy viết tay. Năm 2007, vợ chồng ông M có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 542,79m<sup>2</sup> đất thì năm 2010 UBND thành phố Hội An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M diện tích 204,3m<sup>2</sup> đất (gồm 100m<sup>2</sup> đất ở và 104,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm kể từ năm 1995 đến nay). Tháng 7/2020, gia đình ông M lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất còn lại, UBND phường T niêm yết hồ sơ công khai và Trung tâm hành chính thành phố H tiếp nhận hồ sơ ngày 22/7/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H lập Tờ trình số 60/TTr-TNMT ngày 31/3/2021 đề nghị UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX618728 cho vợ chồng ông M đối với thửa đất số 239, diện tích 275m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064, tờ bản đồ số 27, khối T, Phường T, thành phố H. Tuy nhiên, ngày 18/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Công văn số 3034/UBND thông báo đất của ông M không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 3034/UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H và buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 27, diện tích 275m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Nguyễn Quang M.

- UBND thành phố H *trình bày:*

Ngày 25/12/2018, UBND thành phố H ban hành Thông báo số 1268/TB-UBND về nội dung kết luận tại cuộc họp giải quyết đơn của một số hộ dân có đất liên quan đến quá trình thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư B tính lộ 607, khối T, phường T, thành phố H. Tại mục 2 của Thông báo 1268/TB-UBND, UBND Thành phố H căn cứ Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thống nhất cấp riêng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất hộ ông M đang sử dụng ngoài phần diện tích đất đã được UBND Thành phố H thống nhất chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/7/2021, hộ ông M nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trung tâm hành chính C (nay là bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả). Để có cơ sở giải quyết hồ sơ của hộ ông M thì ngày 21/5/2021 UBND Thành phố H có Tờ trình số 147/TTr-UBND gửi UBND tỉnh Q và Sở T2 xin ý kiến chỉ đạo. Ngày 16/9/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T2 có Công văn số 2019/STNMT-VPĐK cho ý kiến chỉ đạo là Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chỉ áp dụng giải quyết đối với các trường hợp hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất, tài sản gắn liền với

đất mà Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quản lý, cải tạo trước nhà đất trước ngày 01/7/1991, còn việc căn cứ Điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M là không đúng quy định.

Sau khi có ý kiến của Sở T2 thì UBND Thành phố H thấy rằng vị trí thửa đất hiện nay hộ ông M xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh Q thu hồi tại Quyết định số 3190/QĐ-UB ngày 23/8/2001 về việc thu hồi đất của 16 hộ dân tại phường T, TP H và Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 về việc bổ sung Điều 1 của Quyết định 3190/QĐ-UB. Mặt khác, nội dung xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông M đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 4085/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Q nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông M và hiện nay các Quyết định này đang có hiệu lực pháp luật và khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất, nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, ngày 18/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Công văn số 3034/UBND thông báo cho ông M biết đất của ông M không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì các lý do trên, UBND Thành phố H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông M.

**- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 29/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:*

*[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang M:*

*- Hủy Công văn số 3034/UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân;*

*- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 27, diện tích 275m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Nguyễn Quang M theo đúng quy định của pháp luật.*

*[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 15/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận được Đơn của UBND thành phố H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bị kiện UBND thành phố H) giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của UBND thành phố H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Công văn số 3034/UBND ngày 18/10/2021, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thông báo cho ông Nguyễn Quang M biết là UBND thành phố H từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 27, diện tích 275m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm cho hộ ông M; do đó, ngày 11/11/2021, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 3034/UBND là còn thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2, 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông M khởi kiện trình bày thửa đất số 239, tờ bản đồ 27, diện tích 275m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm mà hiện ông M xin cấp Giấy chứng nhận là một phần trong tổng diện tích 560m<sup>2</sup> đất (gồm 100m<sup>2</sup> đất ở và 460m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc vợ chồng ông M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Cao H1, bà Lê Thị H2 năm 1995. Ngày 29/9/2010 vợ chồng ông M đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 204,3m<sup>2</sup> (gồm 100m<sup>2</sup> đất ở và 104,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27 nên nay ông M yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất còn lại 275m<sup>2</sup>.

[3] Ủy ban nhân dân thành phố H (tại Văn bản số 1204/UBND ngày 23/5/2023) trình bày thửa đất 239, tờ bản đồ 27, diện tích 275m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm mà hiện nay ông M yêu cầu cấp Giấy chứng nhận thể hiện qua các thời kỳ quản lý đất đai của Nhà nước như sau: - Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì thửa đất này thuộc một phần thửa đất số 153, tờ bản đồ số 5, xã C cũ (nay là phường T) có tổng diện tích 319.940m<sup>2</sup>, loại đất Nghĩa địa (N<sup>+</sup>) do Nhà nước quản lý; - Theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất này thuộc một phần thửa đất số 576, tờ bản đồ số 4, xã C có tổng diện tích 267.000m<sup>2</sup>, loại đất cồn cát do Nhà nước quản lý; - Theo hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN.2000 phường T thì diện tích đất này thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 27, diện tích 400,2m<sup>2</sup>, không thể hiện người đăng ký.

[4] Ủy ban nhân dân thành phố H cho biết ngày 15/11/1997, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2162/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu dân cư B tỉnh lộ 607, xã C. Ngày 01/12/2000, UBND thị xã H ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UB về tổ chức cắm mốc giải tỏa, thu hồi đất công bị lấn chiếm tại khu quy hoạch khu dân cư Bắc tỉnh lộ 607 và ngày 15/6/2001 lập Tờ trình 214/TTr-UBND đề nghị UBND tỉnh ra Quyết

định thu hồi đất công bị lấn chiếm tại khu vực. Ngày 23/8/2001, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3190/QĐ-UB thu hồi đất sử dụng trái phép của 16 hộ dân tại phường T, thị xã H, nhưng các hộ dân này không chấp hành mà liên tục gửi Đơn khiếu nại tới nhiều cấp, nhiều ngành. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Q, ngày 14/4/2006 UBND thị xã H thành lập Đoàn kiểm tra để kiểm tra đất đối với 16 hộ dân và ngày 08/5/2006, Đoàn kiểm tra có Báo cáo số 22/BC-TTr gửi UBND tỉnh Q; do đó, ngày 10/5/2006 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1391/QĐ-UB điều chỉnh một phần Quyết định 3190/QĐ-UB, theo đó tách và giao cho UBND thị xã H xử lý diện tích đất của 07 hộ lấn chiếm (trong đó có hộ ông Nguyễn Quang M). Ngày 12/6/2006, UBND thị xã H ban hành Thông báo số 196/TB-UBND về kiểm tra đất đai đối với 07 hộ lấn chiếm, theo đó thống nhất căn cứ Bản đồ 64/CP để cấp Giấy chứng nhận đối với các thửa đất mà các hộ lấn chiếm sử dụng, nhưng các hộ dân vẫn không thống nhất (hộ ông M yêu cầu cấp Giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất lấn chiếm đang sử dụng là 542,79m<sup>2</sup>).

[5] Không thống nhất với Thông báo 196/TB-UBND nên 7 hộ dân tiếp tục khiếu nại và tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1506/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 Chủ tịch UBND thị xã H không chấp nhận khiếu nại của các hộ. Các hộ tiếp tục khiếu nại và tại Quyết định khiếu nại lần hai số 4085/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 Chủ tịch UBND tỉnh Q không chấp nhận khiếu nại của các hộ. Vì tình hình khiếu nại phức tạp, kéo dài nên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTHĐ ngày 18/02/2008 thành lập Đoàn giám sát. Ngày 22/4/2008, Đoàn giám sát có Báo cáo số 09/BC-ĐGS kết luận và kiến nghị nguồn gốc sử dụng đất tại khu vực này là loại đất nghĩa địa và đất cát hoang đều thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, các hộ dân tự ý khai hoang, cải tạo không báo cáo chính quyền để lập các thủ tục theo quy định, có hộ đã chuyển nhượng không tuân thủ quy định của pháp luật như hộ bà Trương Thị T1; việc kê khai đăng ký theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP không chính xác và các hộ còn coi nới, lấn chiếm thêm sau khi đăng ký theo Nghị định 64/CP; đối với trường hợp ông M Báo cáo giám sát khẳng định: *“Sau ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực, ông M mới nhận chuyển nhượng từ ông Cao H1 100m<sup>2</sup> đất ở vào năm 1996 được UBND thị xã H công nhận tại Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 06/02/1996 nên diện tích này (100m<sup>2</sup>) có cơ sở để cấp GCNQSDĐ. Diện tích còn lại 422,79m<sup>2</sup> ông chỉ cung cấp giấy chuyển nhượng viết tay giữa vợ chồng ông Cao H1 nhưng không được cấp có thẩm quyền công nhận nên không có giá trị pháp lý để xem xét. Vì vậy, ngoài 100m<sup>2</sup> đất ông đã nhận chuyển nhượng được UBND thị xã H công nhận, diện tích đất còn lại là không có cơ sở để xem xét, giải quyết cấp GCNQSDĐ”*. Trên cơ sở Báo cáo giám sát 09/BC-ĐGS, Thường trực HĐND tỉnh Q có Kết luận số 07/KL-TTHĐ ngày 15/5/2008 thống nhất với kiến nghị của Đoàn giám sát và ngày 11/7/2008 UBND tỉnh Q có Công văn số 2496/UBND-TD thống nhất với kết luận giám sát, giao UBND thành phố H thực hiện.

[6] Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Q, UBND thành phố H đã ban hành Thông báo số 571/TB-UBND ngày 10/12/2009 giao toàn bộ diện tích đất theo mặt tiền đường N kích thước khoảng 10,4m, sâu 20m cho hộ ông M, còn phần diện tích đất phía mặt tiền đường N thì Nhà nước thu hồi (bút lục 125). Ông M đồng ý với nội dung Thông báo 571/TB-UBND nên yêu cầu cấp Giấy chứng nhận và ông M đã ký *Biên bản trích đo và Sơ đồ thửa đất* (thể hiện diện tích đất về phía biển là đất công), ông M đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 204,3m<sup>2</sup> đất nên ngày 29/9/2010 UBND thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BC 950983 công nhận hộ ông M có quyền sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ 27 diện tích 204,3m<sup>2</sup> gồm 100m<sup>2</sup> đất ở và 104,3m<sup>2</sup> đất

trồng cây lâu năm đến tháng 9/2060. Ngày 05/10/2010 ông M viết *Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất* xin chuyển mục đích sử dụng 104,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sang đất ở và xin tách thửa đất số 10, tờ bản đồ 27 thành 2 thửa, nên ngày 28/10/2010 UBND thành phố H chỉnh lý biến động chuyển 73,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm sang đất ở, đồng thời tách thành 2 thửa là thửa số 10, tờ bản đồ 27 diện tích 102,1m<sup>2</sup> (gồm 86,6m<sup>2</sup> đất ở và 15,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và thửa số 195, tờ bản đồ 27 diện tích 102,2m<sup>2</sup> (gồm 86,8m<sup>2</sup> đất ở và 15,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Sau đó, năm 2017, 2018 ông M lại tiếp tục có Đơn xin nộp tiền sử dụng diện tích đất còn lại 275m<sup>2</sup> không qua đấu giá, nhưng UBND thành phố H đã có Công văn số 4799/UBND ngày 28/12/2017, Công văn số 2742/UBND ngày 13/8/2018 không chấp nhận đề nghị của ông M. Từ các căn cứ trên, đủ cơ sở xác định ông M thừa nhận diện tích đất nằm ngoài diện tích 204,3m<sup>2</sup> ông M đã được UBND thành phố H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BC 950983 ngày 29/9/2010 là đất do Nhà nước quản lý, ông M không có quyền quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại 275m<sup>2</sup>.

[7] Trường hợp sử dụng đất của hộ ông M tương tự ông Nguyễn L2 (trú tại xã C cũ) nằm trong khu vực đất có mặt tiền hiện giáp đường N (còn về phía biển, giáp đường N chạy dọc). Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 48/2018/HC-PT ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (bản án có hiệu lực pháp luật) đã bác yêu cầu khởi kiện của ông L2 yêu cầu bồi thường khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 155, tờ bản đồ số 5/11, diện tích 5.752m<sup>2</sup>, loại đất dương liễu do hợp tác xã C1 kê khai theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg (hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 576, tờ bản đồ số 4, diện tích 267.000m<sup>2</sup> loại đất cồn cát, do UBND xã C kê khai) để triển khai dự án Khu dân cư B tỉnh lộ 607.

[8] Từ các tài liệu, chứng cứ viện dẫn, phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hộ ông M đã sử dụng đất đúng mục đích từ năm 1995 (trước ngày 01/7/2004), không có tranh chấp, không bị thu hồi (Quyết định số 3190/QĐ-UB ngày 23/8/2001 của UBND tỉnh Q thu hồi đất hộ ông M đang sử dụng, nhưng Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 của UBND tỉnh Q đã hủy bỏ trường hợp thu hồi đất đối với hộ ông M), không vướng quy hoạch nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, từ đó buộc UBND thành phố H phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 27, diện tích 275m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm là không đúng diễn biến thực tế, không đúng quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ), do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố H sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông M, UBND thành phố H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015 chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 119/2022/HC-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2, 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Khoản 2 Điều 19 Nghị định

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang M (gồm các yêu cầu: hủy Công văn số 3034/UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân; buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 27, diện tích 275m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm cho hộ ông Nguyễn Quang M).

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam không phải chịu.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam không phải chịu nên được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000266 ngày 22/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Kim Nhân**